

Bản án số: 163/2022/DS-PT

Ngày: 19 - 8- 2022

V/v “Tranh chấp yêu cầu bồi thường
thiệt hại tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Lạc

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trường

Bà Phạm Thị Hồng Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Nhơn – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Lữ Thị Tuyết Lan
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2022/TLPT-DS ngày 22 tháng 7
năm 2022 về việc “Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 53A/2022/DSST ngày 02 tháng 6 năm 2022
của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 197/2022/QĐPT-DS
ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Anh Lê Thái V, sinh năm 1971;

2/ Chị Mai Thị Th, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Mai Văn Nh, sinh năm 1974, địa chỉ: ấp T, xã Th, huyện V,
tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Mai Văn N, sinh năm 1954;

2/ Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1954;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Th, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn Lê Thái V, Mai Thị Th

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 6 năm 2021 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Lê Thái V và bà Mai Thị Th trình bày:

Ông V và bà Th là vợ chồng, năm 2004 ông và bà Th có nhận chuyển nhượng của ông Lê Thái Ng (*anh ruột ông V*) diện tích trên 1.800m², thửa đất số 385, tờ bản đồ số 8, loại đất trồng cây hàng năm, tọa lạc tại: ấp T, xã Th, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, trong diện tích này ông và bà Th có đứng tên hộ cho anh Mai Văn Nh (*bị đơn*) diện tích 500m² (*đất do anh V đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ*).

Cuối năm 2020 ông và bà Th có nhận chuyển nhượng của ông Mai Văn N và bà Đoàn Thị T (*cha mẹ ruột bị đơn*) diện tích là 2.251m², thửa đất số 152, tờ bản đồ số 8, loại đất cây lâu năm, cũng tọa lạc tại: ấp A, xã B, huyện, tỉnh Vĩnh Long, khi nhận chuyển nhượng thửa đất số 152 hiện trạng có kéo sẵn đường ống nhựa để tưới nước cây trồng trên đất. Số ống nhựa này do cha mẹ (*ông N, bà T*) tặng cho bằng lời nói khi chuyển nhượng.

Do mâu thuẫn nên ngày 10/4/2021 anh Nh cho rằng số ống nhựa trên của anh nên anh Nh bỏ 69 ống đứng chữ T có béc, ước lượng bằng tiền là 7.705.000đ (*Bảy triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng*), thời điểm anh Nh thực hiện hành vi bỏ ống nước ông V và bà Th có báo Công an lập biên bản thu hồi số ống trên, đã giao trả cho ông V, bà Th xong không có ai khiếu nại gì.

Do quyền lợi bị xâm phạm, nên ông V và bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nh phải bồi thường cho ông V và bà Th 7.705.000đ (*Bảy triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng*). Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Mai Văn Nh trình bày: Anh là con ruột ông Mai Văn N và bà Đoàn Thị T, chị Mai Thị Th là chị ruột, anh Lê Thái V là anh rể, trước đây anh

sống chung với ông N, bà T, anh canh tác thửa đất 152 nói trên, trong quá trình canh tác anh có đầu tư bỏ tiền ra mua ống nhựa kéo để tưới nước cây trồng trên đất, năm 2021 cha, mẹ anh bán thửa đất 152 cho chị T, anh V mà không có thông báo cho anh biết, số ống nhựa của anh đầu tư trên đất chị Th, anh V sử dụng luôn nên anh bỏ số ống đứng chữ T có béc, Công an xã có lập biên bản và giao cho chị Th, anh V quản lý, anh xác định toàn bộ số ống cũ trên đất và ống chữ T chị Th, anh V quản lý là của anh Nh, do vậy anh yêu cầu phản tố buộc chị Th, anh V trả giá trị bằng tiền cho anh là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*), anh đồng ý giao tất cả đường ống kể cả ống chữ T có béc cho chị Th, anh V quản lý trọn quyền sở hữu. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời hai ngày 07/3/2022 bà Đoàn Thị T xác định: Thửa đất 152 nói trên do bà chuyển nhượng cho ông V và Th, thời điểm chuyển nhượng có đường ống nhựa kéo sẵn trên đất, số ống nhựa này do bà T bỏ tiền ra đưa anh Nh mua để kéo phục vụ việc tưới tiêu cây trồng trên đất, anh Nh chỉ bỏ công kêu người phụ giúp, khi chuyển nhượng đất cho ông V và bà Th thì bà giao luôn đường ống nước. Tuy nhiên, bà không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc bỏ tiền ra cho anh Nh mua ống kéo nước tưới tiêu trên đất và bà cũng không kêu người phụ kéo ống cùng anh Nh mà do anh Nh tự chủ động. Các bên tranh chấp do họ tự quyết định, bà không ý kiến yêu cầu gì trong vụ án, đồng thời có đơn xin vắng mặt.

Ngày 25/3/2022 Tòa án có trưng cầu giám định định giá tài sản tranh chấp kết quả, giá trị còn lại của số ống nước do anh Nh gây thiệt hại do ông V, bà Th yêu cầu là 17.963.000đ, phía anh Nh yêu cầu là 9.835.000đ. Ông V, bà Th và anh Nh thống nhất kết quả định giá trên.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 53A/2022/DSST ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ khoản 6 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 200; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thái V và Mai Thị Th về việc yêu cầu anh Mai Văn Nh bồi thường thiệt hại tài sản với số tiền là 7.705.000đ (*Bảy triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng*);

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc nguyên đơn ông Lê Thái V và bà Mai Thị Th phải trả giá trị tài sản cho anh Mai Văn Nh với tổng số tiền là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*). Ông V, bà Th được quyền sở hữu toàn bộ ổng nhựa theo biên bản của Hội đồng định giá ngày 25/3/2022 trên đất mà mình đang quản lý.

Kể từ ngày anh Nh có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, đối với số tiền phải thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí định giá tài sản, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 15/6/2022 nguyên đơn ông Lê Thái V và bà Mai Thị Th có đơn kháng cáo yêu cầu như sau: kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm với lý do tuyên không phù hợp xâm hại đến quyền và lợi ích của nguyên đơn. Yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, xét xử lại vụ án buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn số tiền 17.963.000đ (kết quả theo cấp sơ thẩm định giá). Ngoài ra bị đơn phải trả tất cả số tiền mà nguyên đơn đã tạm ứng án phí đúng quy định của pháp luật.

Ngày 17/6/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện V quyết định kháng nghị số 262/QĐ – VKS – DS kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số: 53A/2022/DSST ngày 02/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long với nội dung như sau: Bản án dân sự sơ thẩm số: 53A/2022/DSST ngày 02/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long đánh giá chứng cứ không toàn diện, thiếu khách quan dẫn đến bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông V và bà Th giữ nguyên kháng cáo.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long giữ nguyên kháng nghị số: 262/QĐ – VKS – DS ngày 17/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

- Về nội dung:

+ Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Thái V và bà Mai Thị Th yêu cầu ông Nh bồi thường thiệt hại cho ông V, bà Th số tiền 17.963.000đ là có căn cứ chấp nhận một phần, bởi lẽ:

Vợ chồng ông V, bà Th có phần đất thừa 385 diện tích 1.670,4 m² do ông V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 04/02/2021 ông Mai Văn N và bà Đoàn Thị T có lập hợp đồng tặng cho QSDĐ thửa 152 diện tích 2.251,9m² loại đất trồng cây lâu năm cho bà Mai Thị Th, đến ngày 19/02/2021 bà Th được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 152 nói trên. Ngày 10/4/2021 ông Mai Văn Nh có hành vi bẻ 69 ống nhựa đứng có gắn bec phun nước tưới trên thửa 385 và thửa 152 của ông V, bà Th. Ông Nh trình bày, đường ống nước này do ông Nh bỏ tiền ra mua ống nhựa và trực tiếp lắp đặt đường ống là không phù hợp, vì đường ống này được lắp đặt trên cả 02 thửa đất là thửa 152 của bà T và thửa 385 của ông V, ông Nh không có lợi ích gì từ việc lắp đặt đường ống này. Bà T, ông N là chủ sử dụng đất hợp pháp xác định đường ống nước này do bà T bỏ tiền ra mua ống nhựa và thuê người lắp đặt. Bà Th là con gái của bà T, ông N nên khi lắp đặt đường ống nước tưới tiêu, đã lắp đặt luôn cho vợ chồng bà Th, ông V. Khi chuyển nhượng QSDĐ thửa 152 cho bà Th, ông V thì có thỏa thuận cho luôn đường ống nước này, do đó có căn cứ xác định đường ống nước này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông V, bà Th. Ông Nh có hành vi làm hư hỏng 69 ống nhựa, gồm: 30 ống nhựa có gắn bec phun nước trên thửa 152 và 39 ống nhựa (trong đó có 38 ống có gắn bec và 01 ống nhựa không có gắn bec) trên thửa 385 của ông V, bà Th, gây thiệt hại quyền lợi ích hợp pháp của ông V, bà Th. Ngày 28/4/2021 ông Nh đã bị Chủ tịch UBND xã Thanh Bình ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 3.500.000 đồng về hành vi hủy hoại tài sản của ông V, bà Th. Do đó ông V, bà Th yêu cầu ông Nh bồi thường thiệt hại tài sản là có căn cứ.

Về giá trị thiệt hại, theo Biên bản định giá tài sản ngày 25/3/2022 định giá:

+ 69 ống nhựa loại 27, dày 1,8mm, dài 01 mét, giá trị sử dụng còn lại 50% = 1.311.000đ.

+ 13 đầu béc quay để tưới cây, giá trị còn lại 50% = 52.000đ.

Do đó buộc ông Nh bồi thường thiệt hại cho ông V, bà Th số tiền $(1.311.000đ + 52.000đ) = 1.363.000đ$ là phù hợp.

+ Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V là có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ: như đã phân tích trên, bà T là người bỏ tiền ra để đầu tư lắp đặt đường ống nước tưới tiêu cho vườn cây trồng của bà và lắp đặt luôn trên cả thửa đất 385 của ông V, bà Th. Ông Nh là con ruột sống chung với bà T, nên việc bà T đưa tiền cho anh Nh mua ống nhựa để lắp đặt đường ống không cần thiết phải làm biên nhận hay cần người làm chứng. Bà T thừa nhận khi chuyển nhượng phần đất thửa số 152 cho ông V, bà Th có thỏa thuận cho luôn đường ống nước này, vì vậy đường ống nước trên thửa 152 và thửa 385 là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông V, bà Th. Ông Nh có hành vi làm hư hỏng 69 ống nhựa có gắn béc phun nước trên thửa 152 và thửa 385 của ông V, bà Th, lỗi hoàn toàn từ ông Nh nên buộc ông Nh bồi thường thiệt hại cho ông V, bà Th là có căn cứ. Do xác định đường ống nước tưới tiêu này không thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nh nên không có căn cứ buộc ông V, bà Th trả giá trị cho ông Nh số tiền 15.000.000đ. Vì vậy, cần phải sửa án sơ thẩm. Do sửa án sơ thẩm nên chi phí định giá và án phí sơ thẩm phải xác định lại.

Bởi các lẽ trên: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật TTDS năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lê Thái V và bà Mai Thị Th.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện V.

Sửa án sơ thẩm. Buộc ông Nh bồi thường thiệt hại cho ông V, bà Th số tiền 1.363.000đ. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nh về việc yêu cầu ông V, bà Th trả giá trị tài sản cho ông Nh số tiền 15.000.000đ.

- Về án phí phúc thẩm: Ông V, bà Th không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 02/6/2022 Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long xét xử và tuyên án sơ thẩm. Ngày 15/6/2022 nguyên đơn ông Lê Thái V và bà Mai Thị Th có đơn kháng cáo; Ngày 17/6/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện V kháng nghị là còn trong thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định

tại Điều 273, Điều 280 và được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm được qui định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông V và bà Th khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn anh Mai Văn Nh bồi thường thiệt hại về tài sản là đường ống nước bị hư hỏng với số tiền 7.705.000đ.

Sau khi xét xử sơ thẩm. Ông V và bà Th không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm đã tuyên nên có kháng cáo yêu cầu: hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, xét xử lại vụ án buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn số tiền 17.963.000đ (kết quả theo cấp sơ thẩm định giá). Ngoài ra bị đơn phải trả tất cả số tiền mà nguyên đơn đã tạm ứng án phí đúng quy định của pháp luật.

Ngày 17/6/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện V có Quyết định kháng nghị số 262/QĐ – VKS – DS kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số: 53A/2022/DSST ngày 02/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Thái V và bà Mai thị Th là có căn cứ chấp nhận một phần bởi lẽ: bị đơn Mai Văn Nh thừa nhận đã thực hiện hành vi làm hư hỏng 69 ống nhựa có gắn bec phun nước trên thửa đất 152; sự việc xảy ra ông V và bà Th có trình báo Công an xã Thanh Bình lập biên bản ngày 10/4/2021. Anh Nh bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số: 200/QĐ – XPHC ngày 28/4/2021 của Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình về hành vi hủy hoại tài sản của người khác với số tiền 3.500.000đ. Qua đó đủ căn cứ xác định thiệt hại về tài sản của ông V và bà Th là do anh Nh thực hiện nên lỗi hoàn toàn ở anh Nh.

Về phần thửa đất số 152. Cấp sơ thẩm nhận định là số ống nước nằm trên thửa 152 hiện tại do ông V và bà Th sử dụng nhưng anh Nh xác định đã bỏ tiền ra mua ống và nhờ người kéo trên đất của bà T lúc chưa chuyển nhượng cho bà Th và ông V, bà T khẳng định số ống nước trên thửa đất 152 trước khi bà chuyển nhượng cho ông V và bà Th thì do tiền của bà T bỏ ra đưa cho anh Nh mua và kéo trên đất thay bà, khi chuyển nhượng thì bà cho luôn phần ống nhựa. Cấp sơ thẩm nhận định rằng bà T không có chứng cứ nào chứng minh số tiền đưa cho anh Nh mua ống nhựa và kêu người kéo, anh Nh không thừa nhận nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông V và bà Th là chưa phù hợp. Bởi thửa đất 152 là do ông N và bà T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quản lý sử dụng, các cây trồng trên đất do ông bà khai thác hoa lợi và việc bà T bỏ tiền ra để đầu tư lắp đặt đường ống nước tưới tiêu để phục vụ cho kinh tế gia đình là có cơ sở. Mặt khác, bà T là mẹ ruột của anh Nh cùng sống chung một nhà nên việc bà T có đưa tiền cho anh Nh mua ống nước để lắp đặt trên vườn nhà là điều không

phải chứng minh có biên nhận hay có người làm chứng hay không. Anh Nh cho rằng đường ống là do anh lắp đặt là không phù hợp vì đường ống nước này được lắp đặt trên thửa 152 của bà T và thửa 385 của ông V và bà Th. Anh Nh không có lợi ích gì từ việc lắp đặt đường ống này mà anh phải bỏ tiền ra. Do đó nhận định của cấp sơ thẩm về nội dung này là không phù hợp.

Về yêu cầu phản tố của anh Nh: yêu cầu ông V và bà Th phải trả giá trị bằng tiền cho anh là 15.000.000đ vì anh Nh cho rằng thửa 152 do anh canh tác và bỏ tiền ra đầu tư đường ống. Xét yêu cầu phản tố của anh Nh là không có căn cứ như đã nhận định trên. Cấp sơ thẩm nhận định số ống nhựa là bà T thừa nhận do anh Nh kéo và kêu người phụ. Tiền thì bà T đưa nhưng không chứng minh được và không được anh Nh thừa nhận nên mặc nhiên số ống nhựa trên thuộc quyền sở hữu của anh Nh. Nên chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Nh là không phù hợp, không có căn cứ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của nguyên đơn. Do đó yêu cầu phản tố của anh Nh là không có cơ sở.

Về thiệt hại xảy ra: ông V, bà Th và anh Nh đều thừa nhận thiệt hại xảy ra là do anh Nh làm hư hỏng 69 ống nước. Theo biên bản định giá ngày 25/3/2022 như sau: 69 ống nhựa loại 27 dày 1,8mm, dài 1m giá trị sử dụng còn lại 50% có giá 1.311.000đ; 13 đầu béc quay để tưới cây giá 52.000đ. Tổng cộng: 1.363.000đ. Như vậy có căn cứ buộc anh Nh phải bồi thường thiệt hại cho ông V và bà Th số tiền 1.363.000đ.

Xét kháng nghị của của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận

Từ nhận định trên:

Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Thái V và bà Mai Thị Th là có căn cứ để chấp nhận một phần.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ.

Về chi phí định giá tài sản cũng được điều chỉnh lại cho phù hợp.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: do sửa án nên án phí dân sự sơ thẩm được điều chỉnh lại.

- Án phí phúc thẩm: ông V và bà Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Lê Thái V và bà Mai Thị Th.

Chấp nhận Kháng nghị số: 262/QĐ – VKS – DS ngày 17/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 53A/2022/DSST ngày 02/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ khoản 6 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 200; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147; khoản 4 Điều 26, Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

***Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thái V và bà Mai Thị Th.

Buộc anh Mai Văn Nh phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Lê Thái V và bà Mai Thị Th số tiền 1.363.000đ (một triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn đồng).

2. Không chấp nhận đối với yêu cầu phản tố của anh Mai Văn Nh về việc yêu cầu ông V và bà Th phải trả anh giá trị đường ống nhựa 15.000.000đ và đồng ý giao lại cho ông V và bà Th được quản lý sử dụng đường ống nước của anh lắp đặt.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về chi phí tố tụng: chi phí định giá tài sản.

- Buộc nguyên đơn Lê Thái V và bà Mai Thị Th phải chịu 400.000đ.

- Buộc anh Mai Văn Nh phải chịu 800.000đ.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Mai Văn Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận và 750.000đ đối với yêu cầu phản tố của anh không được chấp nhận. Tổng cộng anh Nh phải chịu 1.050.000đ. Anh Nh được khấu trừ 375.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008132 ngày 23/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Còn lại 675.000đ buộc anh Mai Văn Nh phải nộp tiếp.

Buộc ông Lê Thái V và bà Mai Thị Th phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 317.000đ đối với yêu cầu không được chấp nhận. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ theo biên lai 0009169 ngày 23/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Còn lại 17.000đ buộc ông Lê Thái V và bà Mai Thị Th phải nộp tiếp.

- Án phí dân sự phúc thẩm: ông Lê Thái V và bà Mai Thị Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại ông bà số tiền 600.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0008481 ngày 15/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL: 01b;
- TAND H. VL: 01b;
- Chi cục THADS H.VL : 01b;
- Mỗi đương sự: 01b;
- Lưu HS: 06b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Văn Lạc